

PHÂN LOẠI VĂN BẢN THEO PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu đặc điểm cơ bản của các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã học ở THCS để nhận diện, phân tích và tạo lập được các kiểu văn bản này.

- Thấy được sự đan xen, xâm nhập lẫn nhau giữa các phương thức biểu đạt trong một kiểu văn bản, nhưng cũng thấy được phương thức chủ đạo của văn bản đó.
- Có ý thức vận dụng các hiểu biết về kiểu văn bản và các phương thức biểu đạt vào đọc văn và làm văn một cách phù hợp.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Khi dạy bài này, GV cần chú ý nắm được khái niệm *kiểu văn bản* và *phương thức biểu đạt*.

Có rất nhiều cách phân loại kiểu văn bản dựa trên những tiêu chí khác nhau. Người ta có thể phân loại văn bản theo phong cách chức năng, theo thể thức văn bản, theo độ phức tạp về nội dung và hình thức,... Chương trình Tập làm văn THCS phân loại văn bản theo tiêu chí *phương thức biểu đạt*. Như thế, để nắm vững bản chất và cách phân loại văn bản này, GV cần tham khảo thêm Chương trình và SGK *Ngữ văn* THCS. Ở đây chỉ nêu một số vấn đề cơ bản.

1. Phương thức biểu đạt là gì và có những phương thức biểu đạt nào ?

Phương thức biểu đạt được hiểu như là cách thức phản ánh và tái hiện đời sống (thiên nhiên, xã hội, con người) của người viết, người nói. Mỗi phương thức biểu đạt phù hợp với một mục đích, ý đồ nhất định và được thực hiện bởi một cách thức chính nào đó. Chẳng hạn :

- Khi muốn giúp người đọc hình dung ra được đặc điểm nổi bật của một sự việc, sự vật, con người, phong cảnh,... làm cho đối tượng được nói tới như hiện lên trước mắt người đọc thì người viết phải miêu tả. Như thế, phương thức *miêu tả* chính là phương thức dùng cách tả để phản ánh và tái hiện đời sống.

- Tương tự như vậy, khi muốn tái hiện một câu chuyện đã xảy ra nhằm giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê thì người viết phải trình bày một chuỗi sự việc liên quan đến nhau, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng có một kết thúc. Đó chính là phương thức *tự sự*.

- Khi muốn biểu hiện tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, thái độ và sự đánh giá của mình với đối tượng được nói tới thì người viết phải thể hiện, bày tỏ tình cảm, tư tưởng. Phương thức này gọi là phương thức *biểu cảm*.

- Khi muốn truyền đạt những nội dung và yêu cầu nào đó từ cấp trên xuống hoặc bày tỏ những ý kiến, nguyện vọng của cá nhân hay tập thể tới các cơ quan

và người có quyền hạn để giải quyết, người viết thường dùng các động từ sai khiến, ra lệnh, điều khiển, đề đạt, kiến nghị,... đó là phương thức *điều hành*.

– Khi muốn làm rõ đặc điểm cơ bản của một đối tượng, cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên và xã hội thì người nói và viết phải trình bày, giới thiệu, giải thích,... một cách khách quan về đối tượng, đó là phương thức *thuyết minh*.

– Cuối cùng, khi muốn làm sáng tỏ một vấn đề nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào đó thì người viết cần dùng lí lẽ và dẫn chứng để giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận,... đó là phương thức *lập luận*.

Chương trình Tập làm văn trong SGK *Ngữ văn* THCS đã phân loại văn bản theo sáu phương thức biểu đạt trên đây.

2. Kiểu văn bản

Có thể nói mỗi thao tác chính tạo nên một phương thức biểu đạt và mỗi phương thức biểu đạt chính tạo nên một kiểu văn bản. Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã nêu ở trên, người ta chia ra các kiểu văn bản sau :

- Văn bản miêu tả
- Văn bản tự sự
- Văn bản biểu cảm
- Văn bản điều hành
- Văn bản thuyết minh
- Văn bản lập luận.

Nhìn vào các kiểu văn bản trên, ta thấy tên gọi các kiểu văn bản có khác so với trước đây. Chẳng hạn : *văn bản điều hành*, trước đây gọi là *văn bản hành chính* (Trung Quốc gọi là *văn bản ứng dụng*, một số nước khác gọi là *văn bản thường ngày* – Everyday text) ; *văn bản lập luận*, trước đây gọi là *văn bản nghị luận* ; *văn bản tự sự*, trước đây gọi là *văn kể chuyện* ; *văn bản biểu cảm*, trước đây gọi là *văn phát biểu cảm tưởng*. Riêng *văn bản thuyết minh* là kiểu văn bản mới đưa vào Chương trình và SGK *Ngữ văn* THCS. Thực ra phương thức thuyết minh là phương thức rất phổ biến, gần gũi và được vận dụng rất nhiều trong đời sống.

Như thế, việc đặt tên cho một kiểu văn bản là căn cứ vào phương thức biểu đạt *chủ yếu* được dùng trong văn bản đó. Ví dụ : *văn bản tự sự* chủ yếu dùng phương thức kể việc, thuật việc ; *văn bản miêu tả* chủ yếu dùng phương thức miêu tả, v.v. Tuy nhiên, trong thực tế, ít có một văn bản nào lại chỉ dùng một phương thức biểu đạt duy nhất mà thường là đan xen : trong tả có kể và trong kể có tả ; ngay cả trong văn nghị luận vẫn có yếu tố kể, tả hoặc thể hiện tình cảm, thái độ nhất định. Hình thức là đơn từ nhưng trong đó có thể dùng tự sự, miêu tả và cả lập luận nữa. Như thế, một văn bản có thể kết hợp hai hay nhiều phương thức biểu đạt. Tất nhiên mỗi kiểu văn bản như đã nói ở trên luôn có một phương thức biểu đạt chính, các phương thức biểu đạt khác tham gia vào là nhằm hỗ trợ cho phương thức biểu đạt chính và làm cho nội dung của văn bản thêm sinh động, phong phú. Chương trình và SGK *Ngữ văn THCS* (nhất là ở lớp 8, lớp 9 – phần Tập làm văn), HS đã được học và luyện tập theo các kiểu văn bản có sự kết hợp này.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV có thể tiến hành tổ chức bài giảng theo một số gợi ý sau đây :

1. Phân kiểm tra bài cũ và giới thiệu bài mới, tùy vào từng hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể mà GV xác định có phân này hay không.

2. Phân hướng dẫn tìm hiểu nội dung bài học (hướng dẫn ôn tập), GV lần lượt tổ chức cho HS tìm hiểu và trả lời các câu hỏi, bài tập đã nêu trong SGK. Mục đích và yêu cầu của phần này giúp HS ôn lại các đặc điểm của sáu kiểu văn bản đã học ở THCS ; nhận diện được các kiểu văn bản và thấy được sự đan xen của các phương thức biểu đạt trong một văn bản.

Để đạt được mục đích và yêu cầu trên, GV có thể tiến hành một số hoạt động sau đây :

– Nêu câu hỏi a (mục 1) trong SGK và yêu cầu một số HS trả lời, bổ sung cho đầy đủ sáu kiểu văn bản đã học : *miêu tả, tự sự, biểu cảm, điều hành, thuyết minh và lập luận*.

– Nêu tiếp câu hỏi b (mục 1) trong SGK, yêu cầu HS tìm hiểu kĩ nội dung, đặc điểm của các phương thức biểu đạt đã nêu trong các ô, từ đó chỉ ra các kiểu văn bản tương ứng với nội dung, đặc điểm đó. Cụ thể là HS phải lần lượt tìm ra sáu kiểu văn bản tương ứng trong các ô bên trái như sau :

Kiểu văn bản	Đặc điểm của phương thức biểu đạt
MIÊU TẢ	Dùng các chi tiết, hình ảnh giúp người đọc hình dung ra được đặc điểm nổi bật của một sự việc, sự vật, con người, phong cảnh,... làm cho những đối tượng được nói đến như hiện lên trước mắt người đọc.
TỰ SỰ	Trình bày một chuỗi sự việc liên quan đến nhau, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng có một kết thúc, nhằm giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê.
BIỂU CẢM	Trực tiếp hoặc gián tiếp bày tỏ tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, thái độ và sự đánh giá của người viết đối với đối tượng được nói tới.
ĐIỀU HÀNH	Trình bày văn bản theo một số mục nhất định nhằm truyền đạt những nội dung và yêu cầu của cấp trên hoặc bày tỏ những ý kiến, nguyện vọng của cá nhân hay tập thể tới các cơ quan và người có quyền hạn để giải quyết.
THUYẾT MINH	Trình bày, giới thiệu, giải thích,... nhằm làm rõ đặc điểm cơ bản của một đối tượng, cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên và xã hội.
LẬP LUẬN	Dùng lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ luận điểm nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm.

– Tiếp tục hướng dẫn HS tìm hiểu các câu hỏi trong mục 2 : chỉ ra sự kết hợp của các phương thức và phương thức biểu đạt chính được Nam Cao vận dụng trong đoạn văn trích từ truyện *Lão Hạc* và đoạn trích viết về cây sấu riêng của Mai Văn Tạo.

Để giúp HS trả lời câu hỏi trên, GV lưu ý HS vận dụng các đặc điểm của các kiểu văn bản ở mục 1 trong SGK (xem bảng). Từ đó yêu cầu HS phân tích, nhận diện và chỉ ra sự kết hợp phương thức biểu đạt chính ở đoạn văn của Nam Cao là phương thức tự sự. Vì trong đoạn văn này tác giả chủ yếu trình bày lại sự việc. Nhưng trong khi tự sự, người viết đã kết hợp rất chặt chẽ với phương thức miêu tả (tả người) để làm phong phú, sinh động và nổi bật sự việc được trình bày. GV có thể nêu tình huống sau để HS suy nghĩ và trả lời : Giả sử không có đoạn văn miêu tả khuôn mặt đau khổ của lão Hạc thì việc kể chuyện bán chó của lão sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ? Khác với đoạn văn của Nam Cao, trong đoạn văn thứ hai,

Mai Văn Tạo đã sử dụng phương thức biểu đạt chính là *thuyết minh*. Tác giả đã giới thiệu về một loại trái cây rất quý hiếm của Nam Bộ. Qua đoạn văn này, những đặc điểm cơ bản của cây sầu riêng (quả, hoa, cây, hình dáng, màu sắc, hương vị,...) hiện lên rất rõ. Tuy nhiên, khi thuyết minh, tác giả đã kết hợp với miêu tả và biểu cảm rất chặt chẽ.

– GV chuyển sang hướng dẫn HS tìm hiểu câu hỏi ở mục 3. Để chỉ ra được phương thức biểu đạt của hai văn bản nêu trong SGK, GV cần lưu ý HS xuất phát từ đặc điểm của mỗi kiểu văn bản đã nêu trong bảng, từ đó mà xác định tên gọi cho mỗi văn bản. GV cũng có thể cho HS tìm hiểu sự giống và khác nhau của hai văn bản trước rồi sau đó mới tìm tên gọi cho phù hợp. Có thể nêu một số gợi ý sau đây :

+ Điểm giống nhau : Hai văn bản cùng viết về một đối tượng là chiếc bánh trôi nước. Qua hai văn bản, chiếc bánh trôi nước được miêu tả trước hết theo nghĩa đen : hình tròn, trắng, mịn, đun sôi trong nước, bánh có thể nát, có thể rắn và khi nổi, khi chìm trong nước.

+ Điểm khác nhau : Chiếc bánh trong *văn bản 1* chỉ được hiểu theo nghĩa đen đã nêu, còn chiếc bánh trong *văn bản 2* không chỉ là chiếc bánh trôi mà còn là hình ảnh tượng trưng cho phẩm chất tốt đẹp và thân phận long đong, vất vả của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến. Cách miêu tả của *văn bản 1* rất chi tiết, tỉ mỉ, chính xác và hoàn toàn khách quan, trung thành với sự vật được miêu tả. *Văn bản 2* chỉ điểm qua một số nét tiêu biểu của sự vật, để nhân đó mà phát biểu suy nghĩ, tình cảm của người viết.

Chính từ sự phân biệt trên, có thể kết luận : *văn bản 1* là kiểu văn bản thuyết minh, còn *văn bản 2* là văn bản biểu cảm có kết hợp với miêu tả.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Bộ SGK *Ngữ văn THCS* (phần Tập làm văn từ lớp 6 đến lớp 9), NXB Giáo dục, 2002 - 2005.

– *Tư liệu Ngữ văn* (từ lớp 6 đến lớp 9), NXB Giáo dục, 2003 - 2006.